

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ, và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5258/TTr-STNMT-VP ngày 17/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PCVP C.N.Trang,
- Các phòng: KSTTHC, KGVX, HCTC, THCB;
- Trung tâm báo chí thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC



Lê Hồng Sơn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 3783 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Thống kê đất đai	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Kiểm kê đất đai	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục: Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước

a) Phạm vi áp dụng:

Công trình khai thác nước để cấp nước cho sinh hoạt hoặc cấp nước cho nhiều mục đích, trong đó có cấp nước cho sinh hoạt (sau đây gọi chung là công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là tổ chức) phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, bao gồm:

- Công trình khai thác nước mặt với quy mô trên 100 m³/ngày đêm.
- Công trình khai thác nước dưới đất với quy mô trên 10 m³/ngày đêm.

b) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong quá trình lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tổ chức trực tiếp đầu tư, quản lý, vận hành công trình khai thác nước căn cứ quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt) đề xuất phạm vi cụ thể vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình.

- **Bước 2:** Trên cơ sở đề xuất vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình, cụ thể như sau:

Trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép hoặc từ ngày Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được UBND Thành phố/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp), Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đề xuất của tổ chức và kiểm tra thực tế (nếu cần thiết), ban hành Tờ trình phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình; trình UBND Thành phố phê duyệt.

- **Bước 3:** UBND Thành phố xem xét, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: mười (10) ngày làm việc.

- **Bước 4:** Công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có công trình khai thác nước có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử, niêm yết bảng tin của thôn, xã.

c) **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến

d) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** một (01) bộ

- Đề xuất vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức;
- Tờ trình;

- Dự thảo Quyết định.

e) Tổng thời hạn giải quyết: sáu mươi (60) ngày làm việc, trong đó thời gian phê duyệt là ba mươi (30) ngày làm việc (tại Sở Tài nguyên và Môi trường là hai mươi (20) ngày làm việc, tại UBND Thành phố là mười (10) ngày làm việc), thời gian công bố là ba mươi (30) ngày làm việc.

f) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

h) Kết quả thực hiện quy trình: Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung điểm m khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021.

2. Thủ tục: Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức)

a) Phạm vi áp dụng:

Áp dụng trường hợp đề nghị phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất các tổ chức.

Cán bộ, công chức thuộc Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.

b) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có Văn bản đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, kèm theo hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức).

- **Bước 2:** Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức).

+ Trường hợp cần giải trình, bổ sung: Trong thời gian 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã đề nghị giải trình, bổ sung Phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp phải xin ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan: Trong thời gian 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản xin ý kiến đối với Phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, vị trí đấu giá phù hợp quy hoạch: Trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo, trình UBND Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất

- **Bước 3:** UBND Thành phố xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất: trong 02 ngày làm việc.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến

d) Thành phần, số lượng hồ sơ: một (01) bộ

- Tờ trình kèm theo Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, bao gồm các nội dung chính sau: Danh mục, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất đấu giá (nếu có); Mục đích, hình thức (giao đất hoặc cho thuê đất), thời hạn sử dụng đất; Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá; hồ sơ tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá; Hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; Dự kiến kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá; Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá; Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá; Đề xuất đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; Thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê

đất, trong đó ghi rõ thời hạn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và trách nhiệm, nghĩa vụ của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

- Giấy tờ liên quan đến hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất đấu giá và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với thửa đất đấu giá (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền;

- Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết liên quan đến thửa đất đấu giá đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đấu giá trong trường hợp chưa có bản đồ địa chính;

- Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng thửa đất.

e) Tổng thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc.

f) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

h) Kết quả thực hiện quy trình: Quyết định Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật Đất đai 2013 và các nghị định hướng dẫn thi hành;

- Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

- Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung điểm m khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021.

3. Thủ tục: Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức).

a) Phạm vi áp dụng:

Áp dụng trường hợp đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các tổ chức.

Cán bộ, công chức thuộc Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và các phòng có liên quan thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.

b) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất; Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có Văn bản đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, kèm theo hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức).

- **Bước 2:** Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất (đối với tổ chức).

+ Trường hợp cần giải trình, bổ sung: Trong thời gian 03 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã đề nghị giải trình, bổ sung Phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp phải xin ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan: Trong thời gian 03 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản xin ý kiến đối với Phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: Trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo, trình UBND Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- **Bước 3:** UBND Thành phố xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong 02 ngày làm việc.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến

d) Thành phần, số lượng hồ sơ: một (01) bộ

- Dự thảo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá;
- Phương án đấu giá quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;
- Hồ sơ thửa đất đấu giá;
- Hợp đồng dịch vụ đấu giá;
- Báo cáo về việc tổ chức thực hiện cuộc đấu giá và Biên bản đấu giá.

e) Tổng thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

f) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

h) Kết quả thực hiện quy trình: Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật Đất đai 2013 và các nghị định hướng dẫn thi hành;

- Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

- Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung điểm m khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021.

4. Thủ tục: Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất

a) Phạm vi áp dụng:

Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn và điều chỉnh thời hạn thuê đất); xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với Tổ chức. Áp dụng đối với trường hợp Thửa đất hoặc Khu đất có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên và Không thuộc trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất do UBND Thành phố ban hành hàng năm theo quy định.

b) Trình tự thực hiện:

Bước 1: (12 ngày làm việc)

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận Hồ sơ từ tổ chức, đơn vị hoặc luân chuyển Hồ sơ sau khi UBND Thành phố ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất (Bao gồm hồ sơ: Điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn, điều chỉnh thời gian thuê đất ...);

- Kiểm tra rà soát hồ sơ pháp lý; thực hiện chỉ định và thương thảo Hợp đồng với Đơn vị tư vấn xác định giá đất.

Bước 2: Đơn vị tư vấn nhận Hồ sơ và thực hiện định giá, ban hành Chứng thư định giá đất (**25 ngày** làm việc).

Bước 3: Rà soát phương án giá đất tại chứng thư định giá đất, ban hành Tờ trình gửi Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố (**13 ngày** làm việc không bao gồm thời gian đề nghị Đơn vị tư vấn rà soát kết quả định giá đất và xin ý kiến chuyên môn các Sở, Ngành khác trường hợp cần thiết).

Bước 4: Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố thực hiện Thẩm định phương án giá đất do Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất và ban hành văn bản Thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (**20 ngày** làm việc).

Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thực hiện soạn thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt giá đất trình UBND Thành phố (**10 ngày** làm việc không bao gồm thời gian thực hiện rà soát theo ý kiến của Hội đồng thẩm định Thành phố);

Bước 6: UBND Thành phố trên cơ sở Hồ sơ, Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để cơ quan Thuế thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) (**10 ngày** làm việc).

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ: một (01) bộ, gồm:

- Toàn bộ Hồ sơ giao đất, cho thuê đất và các văn bản pháp lý, bản vẽ liên quan đến quy hoạch xây dựng, nghĩa vụ tài chính của Dự án;
- Tờ trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố và UBND Thành phố;
- Dự thảo Quyết định.

e) Tổng thời hạn giải quyết: 90 ngày làm việc không bao gồm thời gian phát sinh do: Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Tổ chức, Đơn vị giải trình, bổ sung Hồ sơ trường hợp cần thiết; Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát kết quả định giá; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố, UBND Thành phố đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát phương án giá đất đề xuất.

f) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố, Đơn vị tư vấn giá đất.

g) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể Thành phố, Đơn vị tư vấn giá đất.

h) Kết quả thực hiện quy trình: Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật đất đai 2013 và các Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông thư số 76/2014/TT-BTC, Thông thư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính và các Nghị định, Thông tư sửa đổi bổ sung khác do Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng ban hành;

- Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

- Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

5. Thủ tục: Thống kê đất đai

a) Phạm vi áp dụng:

Thống kê đất đai hàng năm làm căn cứ cho lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; Cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội. Áp dụng cho cấp Thành phố; huyện, quận, thị xã; các xã, phường, thị trấn.

b) Trình tự thực hiện:

Bước 1: (60 ngày làm việc)

- Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Rà soát, tổng hợp các thửa đất có biến động về loại đất và loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong năm thống kê từ hồ sơ địa chính và các hồ sơ thủ tục về đất đai liên quan gửi Ủy ban nhân dân cấp xã **trước ngày 15 tháng 11** để thực hiện thống kê đất đai hàng năm (trừ các đơn vị cấp xã đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai sử dụng đồng bộ ở các cấp); trường hợp sau ngày gửi bản tổng hợp các trường hợp biến động mà phát sinh các trường hợp biến động mới thì phải gửi bổ sung chậm nhất vào **ngày 31 tháng 12 của năm thống kê**. (Biểu mẫu theo Phụ lục số 03.2 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018).

- UBND xã, phường, thị trấn: Xác định và tổng hợp biến động sử dụng đất trong năm; Tổng hợp số liệu thống kê và lập hệ thống biểu theo quy định; Phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất; hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã **trước ngày 16 tháng 01 năm sau**; (Hồ sơ gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã đã được cập nhật chỉnh lý biến động (01 bộ dạng số) và bản tổng hợp các trường hợp biến động đất đai trong năm đã được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát thực tế, xác nhận (01 bộ giấy); Biểu số liệu thống kê đất đai (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo kết quả thống kê đất đai (01 bộ giấy)).

Bước 2: (15 ngày làm việc)

- UBND cấp huyện: Kiểm tra số liệu TKĐĐ của từng đơn vị cấp xã; Tổng hợp số liệu TKĐĐ của huyện; Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất; hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 01 tháng 02 năm sau**; (Hồ sơ gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã đã được cập nhật chỉnh lý biến động (01 bộ dạng số); Biểu số liệu thống kê đất đai cấp xã (01 bộ số); Biểu số liệu thống kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số).

Bước 3: (15 ngày làm việc);

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận và kiểm đếm hồ sơ kết quả TKĐĐ của cấp huyện (kết quả TKĐĐ cấp huyện, thống kê đất quốc phòng, đất an ninh); Tổng hợp số liệu TKĐĐ cấp thành phố; Phân tích số liệu, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của thành phố trong năm

thống kê; Hoàn thiện, trình duyệt, in sao và nộp báo cáo kết quả TKĐĐ cấp thành phố lên Bộ Tài Nguyên và Môi trường **trước ngày 16 tháng 02 năm sau** (Hồ sơ gồm: Biểu số liệu thống kê đất đai cấp xã, huyện (01 bộ số); Biểu số liệu thống kê đất đai cấp thành phố (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp thành phố (01 bộ giấy và 01 bộ số).

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến.

d) Tổng thời hạn giải quyết: 90 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện; Hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội; UBND cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội, phòng Tài nguyên và Môi trường; Công chức địa chính cấp xã.

g) Kết quả thực hiện quy trình: Báo cáo kết quả thống kê các cấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013 và các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018; Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 07/8/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thủ tục: Kiểm kê đất đai

a) Phạm vi áp dụng:

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được tiến hành trên phạm vi toàn Thành phố theo từng cấp hành chính, trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản tiến hành kiểm kê đất đai; kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện, thành phố.

Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; Bộ tư lệnh Thủ đô, Công an Thành phố có trách nhiệm gửi kết quả kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND.

b) Trình tự thực hiện:

Bước 1: (135 ngày làm việc, từ ngày 01/8 đến ngày 16/01 năm sau).

- *Đối với UBND cấp xã, phường, thị trấn:* Chuẩn bị nhân lực, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho KKĐĐ; Thu thập các tài liệu, số liệu về đất đai hiện có phục vụ cho kiểm kê đất đai; Điều tra, khoan vẽ, lập bản đồ kết quả điều tra kiểm kê; Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Tổng hợp số liệu hiện trạng sử dụng đất, lập hệ thống biểu kiểm kê đất đai; Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai và tình hình quản lý đất đai của địa phương; Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp xã; Hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả kiểm kê đất đai; (Hồ sơ gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã file điện tích tạo vùng kết nối dữ liệu của bản đồ và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số); Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê do Văn phòng Đăng ký đất đai gửi đến đã được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát thực tế, xác nhận (01 bộ giấy); Biểu số liệu kiểm kê đất đai (01 bộ giấy và 01 bộ số); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số khuôn dạng *.DGN; file điện tích tạo vùng); Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai (01 bộ giấy)).

Bước 2: (45 ngày làm việc, từ ngày 16/1 đến ngày 01/3 năm sau).

- UBND cấp huyện: Tiếp nhận và kiểm đếm hồ sơ kết quả KKĐĐ của cấp xã giao nộp; Tổng hợp số liệu kiểm kê diện tích đất đai vào các biểu theo quy định; Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai và tình hình quản lý, sử dụng đất của địa phương; Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện; Xây dựng báo cáo kết quả KKĐĐ cấp huyện; Hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả KKĐĐ. Hồ sơ giao nộp cấp huyện gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số); Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã (01 bộ giấy và 01 bộ số); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã (01 bộ số); Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số).

Bước 3: (45 ngày làm việc, từ ngày 01/3 đến ngày 16/4 năm sau).

- *Sở Tài nguyên và Môi trường:* Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh; Tiếp nhận và kiểm đếm hồ sơ kết quả KKĐĐ của cấp huyện giao nộp; Tổng hợp số liệu hiện trạng sử dụng đất của cấp thành phố; Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai và tình hình quản lý đất đai của địa phương; Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh; Xây dựng báo cáo kết quả KKĐĐ cấp thành phố; Hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả KKĐĐ lên Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ kiểm kê đất đai cấp thành phố gồm: Bản đồ kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số); Biểu số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện (01 bộ số); Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp tỉnh (01 bộ giấy và 01 bộ số); Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh và Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp tỉnh (01 bộ giấy và 01 bộ số); Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- *Bộ Tư lệnh thủ đô, Công an tỉnh:* Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã; phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức kiểm kê diện tích đất đai hiện đang quản lý sử dụng theo đúng phương án kiểm kê đất đai của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:* Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm và cơ quan chuyên môn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm kê đất lâm nghiệp và cung cấp bản đồ quy hoạch đất lâm nghiệp, bản đồ hiện trạng rừng trên toàn thành phố để phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai; Chỉ đạo các công ty Nông - Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và Vườn quốc gia phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã; phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức rà soát diện tích các loại đất đang quản lý sử dụng.

- *Sở Tài chính:* Chủ trì tham mưu cho ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Chủ động hướng dẫn cho các đơn vị lập dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện, thâm định theo quy định.

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Cục thống kê:* Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng phương án điều tra, biểu mẫu, phương pháp kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- *Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc:* Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm kê hiện trạng sử dụng đất các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

c) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến.

d) Tổng thời hạn giải quyết: 225 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện quy trình: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện; Hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội; UBND cấp xã.

f) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố; UBND cấp huyện; UBND cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư lệnh thủ đô, Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Công thương, Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc. UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các phường xã thị trấn.

g) Kết quả thực hiện quy trình: Kết quả kiểm kê đất đai 5 năm.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện quy trình (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý thực hiện quy trình:

- Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013 và các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018; Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 07/8/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

